TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:68/2021/DS-ST
Ngày: 24-11-2021
V/ v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M -TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Bé Bảy**

2/ Bà **Phan Thị Đẹp**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Trạng** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố M.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M*** *tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi – Đòi tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXX-ST ngày 28/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐ-DS ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị Thanh T sinh năm 1993.

Địa chỉ: số 186 tổ 9, ấp Bình Phong, xã T1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: chị Lê Trúc Ng sinh năm 1989,

Địa chỉ: số 60/4 đường Nguyễn An Ninh, phường 2, thành phố M, Tiền Giang.

Theo giấy ủy quyền ngày 30/3/2021

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1973.

Địa chỉ: số 113, ấp Bình Phong, xã T1, TP M, tỉnh Tiền Giang

(Chị Ng có mặt, bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh T, và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Trúc Ng trình bày*:

Chị Đoàn Thị Thanh T có tham gia nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hụi, và mua nhiều dây hụi của bà Đ, sau khi tuyên bố bể hụi bà Đ còn nợ chị T số tiền 120.680.000 đồng; Tuy nhiên, chị T chưa thể cung cấp một vài biên nhận hụi bản chính nên nay chị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Đtrả số tiền 81.680.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, cụ thể sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20/12/2018 âm lịch, có 22 phần, chị T có tham gia 01 phần (có danh sách hụi viên) và có mua 01 phần hụi từ hụi viên. Ngày 20/12/2018 âm lịch chị T mua 01 phần với số tiền 28.400.000 đồng, chị T đã giao cho cho bà Đ lảnh số tiền 28.400.000 đồng, bà Đ ký nhận.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/01/2020 âm lịch, gồm 26 phần, chị T tham gia 01 phần (có danh sách hụi viên), và mua 02 phần hụi từ hụi viên, và đã giao cho bà Đ số tiền 34.880.000 đồng, bà Đ có ký nhận.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 20/7/2019 âm lịch, gồm 27 phần, chị T không tham gia nhưng có mua 01 phần từ hụi viên với số tiền đã giao cho chủ hụi là 18.400.000 đồng, bà Đ có ký nhận.

Đối với những hụi viên mà chị T mua hụi thì do bà Đ giới thiệu và trực tiếp liên hệ nên chị T không trực tiếp gặp và giao tiền, mọi giao dịch đều thông qua chủ hụi Nguyễn Thị Đ.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ nhưng bà Đ không đến Tòa án và cũng không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên Tòa, Người đại diện theo ủy quyền của chị T là chị Lê Trúc Ng rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Tường số tiền 81.680.000 đồn từ việc mua bán hụi, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi còn thiếu nên vụ án được xác định có quan hệ tranh chấp là "Đòi tài sản" theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Bình Phong, xã T1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ 2 nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào bản chính biên bản lãnh hụi đối với dây hụi ngày 15/01/2020 âm lịch, ngày 20/07/2019 âm lịch và 20/12/2018 âm lịch, thì giữa chị Đoàn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Đcó phát sinh quan hệ mua bán hụi. Chị Ng trình bày, do có quan hệ chơi hụi nhiều năm do bà Đ làm chủ hụi nên chị T rất tin tưởng, ngoài việc có tham gia vào các dây hụi 2.000.000 đồng ngày 15/01/2020 âm lịch, dây hụi ngày 20/12/2018 âm lịch, thì khi được bà Đ cho hay việc có hụi viên có nhu cầu bán hụi nên chị T đã đồng ý vào mua 04 dây hụi theo dây hụi ngày 15/01/2020 âm lịch, ngày 20/07/2019 âm lịch (hụi 1.000.000 đồng) và 20/12/2018 âm lịch với số tiền là 81.680.000 đồng. Số tiền chị T giao để mua hụi đều đã giao đủ cho bà Đ, phía bà Đcó ký nhận với nội dung chủ hụi lãnh. Sau khi biết bà Đ vỡ hụi, phía chị T đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà Đ trả số tiền trên nhưng bà Đ không thực hiện là làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của chị T nên chị T khởi kiện.

Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ nhưng bà Đ không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi là 39.000.000 đồng. Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 39.000.000 đồng là tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền hụi 39.000.000 đồng. Nếu sau này chị Đoàn Thị Thanh T khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị Đoàn Thị Thanh T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho chị Đoàn Thị Thanh T số tiền 81.680.000 đồng (Tám mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 39.000.000 đồng. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 4.084.000 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Đoàn Thị Thanh T số tiền 3.017.000 đồng theo biên lai số 0005577 ngày 07/4/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tạ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân TP Mỹ Tho.
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP Mỹ Tho.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh